

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI HỌC
CHÍNH TRỊ HÈ NĂM 2024
(Tầng trệt Nhà hát Hoà Bình)

Sân khấu						
AT	Tô Hiến Thành (1-14)	A	Đại biểu, báo cáo viên	A	Cách Mạng Tháng Tám (1-14)	AP
BT	Trần Nhân Tôn (1-14)	B	Lê Đình Chinh (1-10)	B	Cách Mạng Tháng Tám (1-14)	BP
CT	Trần Nhân Tôn (1-14)	C	Lê Đình Chinh (1-11)	C	Hòa Hưng (1-14)	CP
DT	Võ Trường Toàn (1-14)	D	Lê Đình Chinh (1-11)	D	Hòa Hưng (1-14)	DP
ET	Võ Trường Toàn (1-14)	E	Lê Thị Riêng (1-11)	E	Hoàng Văn Thụ (1-14)	EP
FT	Võ Trường Toàn (1-10); Nhật Tảo (11-14)	F	Lê Thị Riêng (1-12)	F	Hoàng Văn Thụ (1-14)	FP
GT	Nhật Tảo (1-14)	G	Lê Thị Riêng (1-12)	G	Hoàng Văn Thụ (1-14)	GP
HT	Hồ Thị Kỳ (1-14)	H	Triệu Thị Trinh (1-13)	H	Hoàng Văn Thụ (1-14)	HP
IT	Hồ Thị Kỳ (1-14)	I	Triệu Thị Trinh (1-13)	I	Hoàng Văn Thụ (1-14)	IP
JT	Hồ Thị Kỳ (1-13); Điện Biên (14)	J	Triệu Thị Trinh (1-14)	J	Hoàng Văn Thụ (1-10); Nguyễn Văn Tố (11-14)	JP
KT	Điện Biên (1-14)	K	Triệu Thị Trinh (1); Trương Định (2-14)	K	Nguyễn Văn Tố (1-13)	KP
LT	Dương Minh Châu (1-13)	L	Trương Định (1-15)	L	Nguyễn Văn Tố (1-13)	LP
MT	Dương Minh Châu (1-13)	M	Trương Định (1,2); Nguyễn Chí Thanh (3-15)	M	Nguyễn Văn Tố (1-13)	MP
NT	Dương Minh Châu (1-13)	N	Nguyễn Chí Thanh (1-15)	N	Nguyễn Văn Tố (1-13)	NP
OT	Dương Minh Châu (1-10); Bắc Hải (11,12,13)	O	Nguyễn Chí Thanh (1-3); Trần Quang Cơ (4-16)	O	Nguyễn Văn Tố (1-7); Nguyễn Tri Phương (8-13)	OP
PT	Bắc Hải (1-11)	P	Trần Quang Cơ (1-18)	P	Nguyễn Tri Phương (1-11)	PP
QT	Bắc Hải (1-11)	Q	Trần Quang Cơ (1-3); Trần Phú (4-18)	Q	Nguyễn Tri Phương (1-11)	QP
RT	Bắc Hải (1-11)	R	Trần Phú (1-18)	R	Nguyễn Tri Phương (1-11)	RP
ST	Bắc Hải (1-10); Thiên Hộ Dương (11)	S	Trần Phú (1-19)	S	Nguyễn Tri Phương (1-11)	SP
TT	Thiên Hộ Dương (1-11)	T	Trần Phú (1-8); Nguyễn Du (9-19)	T	Nguyễn Tri Phương (1-9); Lạc Hồng (10,11)	TP
UT	Thiên Hộ Dương (1-11)	U	Nguyễn Du (1-20)	U	Lạc Hồng (1-11)	UP
VT	Thiên Hộ Dương (1-10)	V	Nguyễn Du (1-20)	V	Lạc Hồng (1-10)	VP
WT	Thiên Hộ Dương (1-10)	W	Nguyễn Du (1-21)	W	Lạc Hồng (1-10)	WP
XT	Thiên Hộ Dương (1-10)	X	Nguyễn Du (1-21)	X	Lạc Hồng (1-10)	XP
YT	Thiên Hộ Dương (1); Trần Văn Kiểu (2-10)	Y	Nguyễn Du (1-11); Duy Tân (12,13); Á Châu (14,15), Việt Úc (16-20); Vạn Hạnh (21,22)	Y	Lạc Hồng (1-10)	YP
ZT	Trần Văn Kiểu (1-9)	Z	Trần Văn Kiểu (19,20); Chuyên biệt (1-18)	Z	Lạc Hồng (1-5); MNP9 (6-9)	ZP
ZZT	Trần Văn Kiểu (1-9)				MNP9 (1-9)	ZZP

LỐI VÀO

LỐI VÀO

Ghi chú: Các đơn vị ngồi đúng vị trí theo sơ đồ.

